

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc M**, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu: số X, phường T, thành phố H. Hiện ở địa chỉ: Số Y, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt chị M).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu: số X, phường T, thành phố H. Hiện lưu trú: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh T).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương và ông Đoàn Văn T. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Tại phiên tòa vắng mặt bà Q, ông T).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc M trình bày: chị và anh Nguyễn Thanh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 26/6/2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, những năm sau thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên gây sự với chị, mặt khác quan điểm sống giữa chị và anh T không thống nhất, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, bỏ mặc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh T không nghe mà con quay ra đánh, chửi chị, có những lần anh T lôi chị ra ngoài đường đánh, chửi chị một cách vô cớ. Những lần mâu thuẫn chị đều tìm mọi cách để cải thiện, thậm trí nhờ cả gia đình 2 bên khuyên giải, nhưng được một thời gian ngắn anh T lại đánh đập chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị phải về bố mẹ tại xã C, huyện CG ở từ năm 2019, kể từ đó cho đến nay vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thanh K, sinh ngày 08/02/2017. Cháu K đang ở cùng chị và chị đề nghị sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu K và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Bản sao Trích lục kết hôn; 01 Bản photo Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Q; Bản sao Trích lục khai sinh của con chung là Nguyễn Thanh K; Bản sao Căn cước công dân chị M; Đơn đề nghị đề ngày 17/6/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T thông qua mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị Q. Bà Q xác định đã giao lại các văn bản của Tòa án cho anh T đầy đủ; anh T đã biết Tòa án thụ lý giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị M và anh, đã biết thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng anh T không thể hiện quan điểm về việc đồng ý hay không đồng ý ly hôn. Theo bà Q trình bày, anh T và chị M kết hôn vào tháng 6 năm 2015. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại nhà của vợ chồng bà, đến năm 2017 thì vợ chồng sinh con, sau khi sinh con được 2 năm thì vợ chồng sống ly thân mỗi người ở 1 nơi, anh T về tại xã T, huyện G ở cùng bà, còn chị M ở đâu bà không rõ. Tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn hay không bà không nắm được cụ thể, bà chỉ biết từ năm 2019 đến nay vợ chồng không còn ở chung cùng nhau. Chị M xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Q xác nhận chị M và anh T có 1 con chung là Nguyễn Thanh K, sinh ngày 08/02/2017, hiện cháu K đang sinh sống cùng chị M bà đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của chị M. Về tài sản chung và nợ của vợ chồng bà không nắm được.

Tại biên bản lấy lời khai của Trưởng thôn và chi Hội phụ nữ thôn B xác nhận: anh T hiện đang sinh sống cùng mẹ là bà Q tại thôn B, xã T, huyện G, anh T kinh doanh hàng quán và vườn cây, ao cá tại xã. Từ năm 2019 đến nay không thấy vợ con anh T về ở cùng mà chỉ thấy một mình anh T ở cùng bà Q.

Tại Biên bản xác minh Công an phường T, thành phố H và Công an xã T, huyện G cung cấp: Bà Q, anh T, chị M, cháu K và một số thành viên khác có đăng ký hộ khẩu tại X, phường T, thành phố H. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay gia đình bà Q không còn ai sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Theo Công an xã Toàn Thắng cung cấp thì hiện nay anh T đang lưu trú ở cùng nhà với vợ chồng bà Q, ông Hơn là bố mẹ đẻ anh T tại thôn B, xã T, huyện G.

Theo công văn của Cục xuất nhập cảnh cung cấp: **Anh Nguyễn Thanh T không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh.**

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc M được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 08/02/2017 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9/2022 đến khi thành niên; chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết ly hôn anh Nguyễn Thanh T hiện đang lưu trú và sinh sống tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 31/8/2022; tại phiên tòa, anh T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh T vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Thanh T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/6/2015 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn bế tắc không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn ăn ở chung cùng nhà với nhau. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, anh T đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn tình cảm với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị M xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị M và anh T có 1 con chung là Nguyễn Thanh K, sinh ngày 08/02/2017, ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, mặt khác đại diện gia đình anh T có ý kiến đề Tòa án xem xét giao con cho chị M nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu K đang ở cùng chị M, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung nên HĐXX chấp nhận, anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Chị M không yêu cầu, do đó không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc M.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc M được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Giao chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thanh K, sinh ngày 08/02/2017, thời gian kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con thành niên hoặc khi chị M và anh T có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000666 ngày 17/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Dương sự;
- UBND phường T để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. Hội Đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thắm